Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Ia Pa
Email: ubndiapa@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 19.10.2018 09:15:39 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN IA PA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1305 /UBND-TCKH	*Ia Pa, ngày 16 tháng 10 năm 2018*
V/v công khai số liệu thu, chi ngân sách quý III năm 2018.	

Kính gửi:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã.

Căn cứ Luật Ngân sách năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Điều 11, 12, 13, 14 Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Ủy ban nhân dân huyện công khai số liệu thu, chi ngân sách huyện quý III năm 2018 như sau:

(có các biểu kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện thông báo để các cơ quan, đơn vị biết, theo dõi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- L/đ UBND huyện;
- P. TC-KH huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Hùng

UBND HUYỆN IA PA

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo công văn số 1305 /UBND-TCKH ngày 08 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**296.919**	**241.120**	**81**	**112**
I	**Thu cân đối NSNN**	**9.130**	**6.893**	**75**	**96**
1	Thu nội địa	9.130	6.893	75	96
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn, kết dư từ năm trước chuyển sang**	**12.187**	**50.767**		**112**
III	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh**	**275.602**	**183.460**		**113**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**296.919**	**183.562**	**62**	**112**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**262.477**	**140.266**	**53**	**86**
1	Chi đầu tư phát triển	23.300	18.410	79	175
2	Chi thường xuyên	232.719	121.732	52	80
3	Dự phòng ngân sách	6.458	124	2	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**34.442**	**43.296**	**126**	

UBND HUYỆN IA PA

Biểu số 94/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo công văn số 1305/UBND-TCKH ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**10.600**	**17.059**	**161**	**239**
I	**Thu nội địa**	**10.600**	**17.059**	**161**	**239**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		154		101
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	5.050	11.095	220	396
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.150	822	71	111
5	Lệ phí trước bạ	1.100	960	87	190
6	Thu phí, lệ phí	700	413	59	77
7	Các khoản thu về nhà, đất	700	1.390	199	301
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*				-
-	*Thu tiền sử dụng đất*	600	1.227	205	460
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	100	163	163	
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*				
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
9	Thu khác ngân sách	1.050	950	90	114
10	Thu phạt ATGT	850	813	96	
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		462		120
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**9.130**	**6.893**	**75**	**102**
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	9.130	6.893	75	102

UBND HUYỆN IA PA **Biểu số 95/CK-NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2018

(Kèm theo công văn số 1305/UBND-TCKH ngày 16 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện Ia Pa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	ƯỚC Thực hiện quý III năm 2018	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**296.919**	**183.562**	**62**	**92**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**262.477**	**140.266**	**53**	**86**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**23.300**	**18.410**	**79**	**175**
1	Chi đầu tư cho các dự án	22.300	16.822	75	
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.000	1.588	159	
II	**Chi thường xuyên**	**232.719**	**121.732**	**52**	**80**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	119.949	77.208	64	
2	Chi khoa học và công nghệ	1.746	-	-	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.275	437	19	
4	Chi văn hóa thông tin	647	1.093	169	
5	Chi phát thanh, truyền hình	1.139	865	76	
6	Chi thể dục thể thao	372	314	84	
7	Chi bảo vệ môi trường	3.174	12	0	
8	Chi hoạt động kinh tế	26.226	4.969	19	
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	61.672	40.559	66	
10	Chi bảo đảm xã hội	375	376	100	
III	**Dự phòng ngân sách**	**6.458**	**124**	**2**	
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**34.442**	**43.296**	**126**	